

Số : 129/HVT

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính đầu năm học 2022 - 2023

Căn cứ theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện công văn số: 2593/GDĐT-PC, ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Sở Giáo dục & đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT. Trường THCS Hoàng Văn Thụ xây dựng kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính đầu năm học 2022 - 2023 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai:

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II- Nội dung thực hiện công khai:

1- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) **Cam kết chất lượng giáo dục:** điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản

lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng, có phân biệt theo các khối lớp (theo Biểu mẫu 09).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định nhà trường: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 10).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 11).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3- Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán

bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III- Hình thức và thời điểm công khai

a- Hình thức:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

b- Thời điểm công khai: công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV- Tổ chức thực hiện & chế độ báo cáo:

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2022-2023 cho Phòng GD&ĐT trước 30/8/2022.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- + Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- + Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính đầu năm học 2022-2023 của trường THCS Hoàng Văn Thụ.

Nơi gửi:

- Phòng GD&ĐT (b/c)
- Lưu VT.

Hiệu trưởng

Trần Tuyết Sương

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Phòng GD & ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD&ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD & ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.	Theo quy định của Phòng GD&ĐT. Điểm chuẩn vào lớp 6: 10 điểm.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Theo chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập. - Tham mưu	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập	Có đủ phòng học, phòng bộ môn, các trang thiết bị học tập tối thiểu cho nhu cầu học tập

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	học tập, thiết bị dạy học, tin học)	UBND Q.10 mua sắm máy vi tính cho CT Tin học quốc tế	- Tham mưu UBND Q.10 mua sắm tivi, máy chiếu cho CT GDPT 2018		
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Chương trình Tin học quốc tế, kỹ năng sống, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học thuật, CLB TDTT. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	Chương trình Tin học quốc tế, kỹ năng sống, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học thuật, CLB TDTT. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.	- Hoạt động giáo dục NGLL, hướng nghiệp dạy nghề, văn thể mỹ, các câu lạc bộ học tập. - Tổ chức các lớp tiếng anh nghe nói với giáo viên bản ngữ.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đội ngũ giáo viên có trình độ, phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.	Đội ngũ giáo viên có trình độ, phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao	Đội ngũ giáo viên có trình độ, phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.	Đội ngũ giáo viên có trình độ, phương pháp, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh theo hướng tích cực. -Phương pháp quản lý của nhà trường thực hiện theo hướng đổi mới – tập trung vào nâng cao chất lượng dạy & học.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
			chất lượng		
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	90% đạt từ TB trở lên về học tập, không có học sinh yếu về đạo đức, sức khỏe BT	90% đạt từ TB trở lên về học tập, không có học sinh yếu về đạo đức, sức khỏe BT	90% đạt từ TB trở lên về học tập, không có học sinh yếu về đạo đức, sức khỏe BT	90% đạt từ TB trở lên về học tập, không có học sinh yếu về đạo đức, sức khỏe BT
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lên lớp 97%	Lên lớp 97%	Lên lớp 97%	-Chuyển tiếp cấp 3: 93% - Học trung cấp, cao đẳng nghề: 07%

Quận 10, ngày 15 tháng 9 năm 2022
Hiệu trưởng

Trần Tuyết Sương

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021- 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1742	367	434	475	466
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1578 90.6	331 90.2	399 91.9	393 82.7	455 97.6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	149 8.5	35 9.5	33 7.6	76 16	5 1.07
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13 0.75	0 0	02 0.46	06 1.2	05 1.07
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.06	1 0.27	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1742	367	434	475	466
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	697 40.0	130 35.4	197 45.4	185 38.9	185 39.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	643 36.9	137 37.3	161 37.1	173 36.4	172 36.9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	345 19.8	77 21.0	73 16.8	89 18.7	106 22.7
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	50 2.87	23 6.27	03 0.69	22 4.63	02 0.43
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	06 0.34	0	0	06 1.2	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1742	367	434	475	466
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1,685 96.7	344 93.7	431 99.3	447 94.1	463 99.4
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	697 40.0	130 35.4	197 45.4	185 38.9	185 39.7
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	643 36.9	137 37.3	161 37.1	173 36.4	172 36.9
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	50 2.87	23 6.27	03 0.69	22 4.63	02 0.43
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	06 0.34	0	0	06 1.2	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/3	2/0	2/0	1/2	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	38			0	38
1	Cấp tỉnh/thành phố	25	0	0	0	17
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	466				466
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	466				466
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	185 39.7				185 39.7
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	172 36.9				172 36.9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	106 22.7				106 22.7
VII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1742/846	367/180	434/203	475/236	466/227
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	418	119	97	107	95

Quận 10, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng

Trần Tuyết Sương

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
 năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	1,6
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	12	1,6-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,8	1.6-
8	Bình quân học sinh/lớp	35	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4413	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2256	
VI	Tổng diện tích các phòng	2360	
1	Diện tích phòng học (m ²)	72	1.6
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	504	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	104	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	216	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	0.3
1	Khối lớp 6	4	0.3
2	Khối lớp 7	4	0.3
3	Khối lớp 8	4	0.3
4	Khối lớp 9	4	-0.3
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1	50m²
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	147	20hs/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	1/lớp
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	1/lớp
5	Hệ thống tăng âm	46	1/lớp
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	2	165	1m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8		24m ² x 8
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 10, ngày 16 tháng 9 năm 2022
Hiệu trưởng

Trần Tuyết Sương

Biểu mẫu 11
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	103	91	12	0	7	79	7	2	8	
I	Giáo viên	86	85	1	0	6	76	4	0		
	<i>Trong đó số giáo viên dạy môn:</i>										
1	Toán	14					14				
2	Lý	4					3	1			
3	Hóa	3					3				
4	Văn	12				2	15				
5	Tiếng Anh	11				3	11				
6	Sinh	6				1	6	1			
7	Sử	4					5				
8	Địa	4					3	1			
9	Công nghệ	3					2	1			
10	Công dân	3					4				
11	Nhạc	3					3				
12	Họa	2					4				
13	Thể dục	7					7				
14	Tin học	4		1 HD trường			1				
II	Cán bộ quản lý	3	3			1	2				
1	Hiệu trưởng	1				1					
2	Phó hiệu trưởng	2					2				
III	Nhân viên	14	3	11							
1	Nhân viên văn thư	1	1						1		
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ	1		Hđ 68						1	
4	Nhân viên y tế	1		Hđ 68					1		
5	Nhân viên thư viện	1		Hđ 68						1	
6	Bảo vệ, phục vụ	9	1	Hđ 68				3		6	

Quận 10, ngày 16 tháng 9 năm 2022
Hiệu trưởng

Trần Tuyết Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRƯỜNG THCS HOÀNG
VĂN THỤ**

Chương: 622; Loại 070;

Khoản 073.

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số : 06/QĐ-HVT ngày 16/04/2022 của Trường THCS Hoàng Văn Thụ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2,756,767,978	2,756,767,978	-	-
I	Số thu phí, lệ phí	2,756,767,978	2,756,767,978	-	-
1.1	Học phí	565,020,000	565,020,000	-	-
1.2	Sự nghiệp	-	-	-	-
1.3	Dịch vụ	2,191,747,978	2,191,747,978	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	2,647,046,410	2,647,046,410	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	2,647,046,410	2,647,046,410	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,647,046,410	2,647,046,410	-	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-

B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	16,680,738,662	16,680,738,662	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	16,680,738,662	16,680,738,662	-	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16,680,738,662	16,680,738,662	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15,943,652,231	15,943,652,231	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	737,086,431	737,086,431	-	-

HIỆU TRƯỞNG

Trần Tuyết Sương